

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 21-06-2021

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Dung

2. Ông Phan Thế Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị Q**, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: T, phường Đ, thành phố T1, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh **Phạm Đức Q1**, sinh năm 1992.

Đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ hiện nay: S, M, T2, Nhật Bản.

(Chị Q, anh Q1 vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/ Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:** Tại Đơn khởi kiện đề ngày 12/01/2021 và lời khai của Nguyên đơn – chị Hoàng Thị Q trong quá trình tố tụng thì chị Q yêu cầu ly hôn với anh Phạm Đức Q1 và trình bày cụ thể như sau:

Chị Hoàng Thị Q và anh Phạm Đức Q1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 09/01/2015, khi đó chị Q đã có thai được 4 tháng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình anh Q1. Vợ chồng hòa thuận được khoảng 4 - 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và lối sống của chị và anh Q1 không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi từ việc sinh hoạt, việc nuôi con, cho đến việc lựa chọn nghề nghiệp, việc chi tiêu kinh tế gia đình... Do mâu thuẫn căng thẳng, cuối năm 2015 anh chị đã ly thân, chị Q đưa con đi nơi khác sinh sống. Đến tháng 4/2016, trong thời gian vợ chồng ly thân, anh Q1 đi lao động tại Nhật Bản. Đến đầu năm 2018, chị đưa con về nhà bố mẹ để chị ở Thanh Hóa để sống và làm việc tại Thanh Hóa. Từ khi đi Nhật Bản, anh Q1 thỉnh thoảng có gọi điện cho chị Q nhưng chỉ để hỏi thăm con, thỉnh thoảng anh cũng có gửi tiền về cho con nhưng không quan tâm đến cuộc sống của chị nữa, mỗi người tự lo cuộc sống riêng. Đến nay, chị Q xác định anh chị không còn tình cảm và trách nhiệm với nhau, hai bên không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống hạnh phúc, chị Q đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đức Q1.

Về con chung: Chị và anh Q1 có 01 con chung là Phạm Đức Tiến D, sinh ngày 19/5/2015 hiện đang ở với chị. Ly hôn, chị đề nghị giao con D cho chị nuôi dưỡng, anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh Q1 không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do điều kiện cư trú ở xa, trong bối cảnh dịch bệnh Covid đang diễn biến phức tạp, chị Q đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

***/ Tại Bản tự khai đề ngày 24/4/2021 gửi từ Nhật Bản đến Tòa án, Bị đơn – anh Phạm Đức Q1 trình bày:**

Về thời gian, thủ tục kết hôn, về quá trình chung sống vợ chồng, về thời gian phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Phạm Đức Q1 và chị Hoàng Thị Q như chị Q trình bày là đúng. Nay anh Q1 xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Q xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Phạm Đức Tiến D, sinh ngày 19/5/2015. Ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị Q nuôi dưỡng, anh sẽ cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Q không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do anh Q1 đang lao động tại Nhật Bản không thể về Việt Nam tham gia tố tụng, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng thực hiện đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Phạm Đức Q1; Xử giao con chung Phạm Đức Tiến D, sinh ngày 19/5/2015 cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q1 cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không đặt ra giải quyết. Chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án chị Hoàng Thị Q xin ly hôn anh Phạm Đức Q1 theo thủ tục chung, chị Q đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn: cung cấp bản tự khai, các chứng cứ chứng minh và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ. Chị Q có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn – anh Phạm Đức Q1 cũng gửi từ Nhật Bản đến Tòa án bản tự khai và đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo trình tự vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị Q và anh Phạm Đức Q1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/01/2015, là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị Q và anh Q1 chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng còn trẻ, thiếu kinh nghiệm sống, điều kiện công việc và thu nhập chưa ổn định lại sớm có con nên vợ chồng xảy ra bất đồng về tính cách, về quan điểm sống. Từ đó anh chị thường xuyên xảy ra bất đồng, căng thẳng với nhau về mọi vấn đề phát sinh trong cuộc sống. Cuối năm 2015, từ trước khi anh Q1 đi lao động ở nước ngoài, chị Q và anh Q1 đã sống ly thân, không còn quan tâm tới nhau, không thực hiện

trách nhiệm, nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau trong cuộc sống. Như vậy, hôn nhân của chị Q và anh Q1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh Q1 là hoàn toàn phù hợp pháp luật.

[2.2] Về quan hệ con chung: chị Q và anh Q1 có 01 con chung là Phạm Đức Tiến D, sinh ngày 19/5/2015, hiện nay do chị Q nuôi dưỡng. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho con chung, cần giao con chung của anh chị cho chị Q nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh Q1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 7 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Q, anh Q1 đều trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị Hoàng Thị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phạm Đức Q1 phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Q được ly hôn anh Phạm Đức Q1.

[2] Về quan hệ con chung: Xử giao con Phạm Đức Tiến D, sinh ngày 19/5/2015 cho chị Hoàng Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, anh Phạm Đức Q1 cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, kể từ tháng 7/2021 cho đến khi con D đủ 18 tuổi.

Anh Q1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; chị Q, anh Q1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

[3] Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí:

+ Chị Hoàng Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng chị Q đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005042

ngày 09 tháng 4 năm 2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

+ Anh Phạm Đức Q1 phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Q, anh Q1. Chị Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Anh Q1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu hành chính tư pháp.

(đã ký)

Nguyễn Thị Thanh Bình